

## PHỤ LỤC 5

### NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)

Nội dung thông tin do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài công bố tối thiểu bao gồm:

#### 1. Phạm vi tính tỷ lệ an toàn vốn:

##### a) Nội dung định tính:

Danh sách các công ty con, công ty liên kết, các công ty được loại trừ khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất (ví dụ công ty con là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm), trong đó nêu rõ đơn vị nào được hợp nhất, hợp cộng, không được hợp nhất theo quy định về báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

##### b) Nội dung định lượng:

Giá trị khoản đầu tư vào công ty con là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm không được hợp nhất vào vốn khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất.

#### 2. Cơ cấu vốn tự có:

##### a) Nội dung định tính:

Thông tin tóm tắt về thời hạn và điều kiện của các công cụ vốn chủ sở hữu của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

##### b) Nội dung định lượng:

- Giá trị vốn cấp 1, vốn cấp 1 hợp nhất;
- Giá trị Vốn cấp 2, vốn cấp 2 hợp nhất;
- Giá trị các khoản mục giảm trừ khi tính vốn tự có, vốn tự có hợp nhất.

#### 3. Tỷ lệ an toàn vốn:

##### a) Nội dung định tính:

Thông tin về quy trình tính toán tỷ lệ an toàn vốn và kế hoạch vốn để đảm bảo duy trì tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư này.

##### b) Nội dung định lượng:

- Tỷ lệ an toàn vốn: Tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất (nếu có), tỷ lệ an toàn vốn cấp 1, tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 hợp nhất (nếu có);
- Tài sản tính theo rủi ro tín dụng (gồm rủi ro tín dụng, rủi ro tín dụng đối tác);
- Vốn yêu cầu đối với rủi ro thị trường;

- Vốn yêu cầu đối với rủi ro hoạt động.

#### **4. Rủi ro tín dụng:**

##### a) Nội dung định tính:

- Trình bày tóm tắt Chính sách quản lý rủi ro tín dụng;
- Danh sách các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính tỷ lệ an toàn vốn (nếu có);
- Danh mục các tài sản bảo đảm, bảo lãnh của bên thứ ba, bù trừ số dư nội bảng và sản phẩm phái sinh tín dụng đủ điều kiện để ghi nhận giảm thiểu rủi ro tín dụng;

##### b) Nội dung định lượng:

- Các khoản phải đòi, hệ số rủi ro tương ứng theo từng thứ hạng tín nhiệm và tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo từng doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được lựa chọn;
- Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng theo rủi ro tín dụng và rủi ro tín dụng đối tác, trong đó chia theo đối tượng có hệ số rủi ro theo quy định tại Điều 9 Thông tư này;
- Tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo ngành;
- Tài sản tính theo rủi ro tín dụng (bao gồm cả nội bảng và ngoại bảng) được giảm thiểu rủi ro tín dụng (giá trị trước và sau khi giảm thiểu) theo các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng quy định tại Điều 11 Thông tư này.

#### **5. Rủi ro hoạt động:**

##### a) Nội dung định tính:

- Trình bày tóm tắt Chính sách quản lý rủi ro hoạt động;
- Trình bày tóm tắt Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục (nếu có).

##### b) Nội dung định lượng:

- Chỉ số kinh doanh và các cấu phần của chỉ số kinh doanh: IC, SC và FC theo quy định tại Điều 16 Thông tư này;
- Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động.

#### **6. Rủi ro thị trường:**

##### a) Nội dung định tính:

- Trình bày tóm tắt Chính sách quản lý rủi ro thị trường;
- Trình bày tóm tắt Chiến lược tự doanh;
- Danh mục thuộc sổ kinh doanh.

##### b) Nội dung định lượng:

Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường theo: rủi ro lãi suất, rủi ro giá cổ phiếu, rủi ro giá hàng hóa, rủi ro ngoại hối, giao dịch quyền chọn.